

Bản án số: 32/2019/HNGĐ-ST

Ngày: 29 - 10 - 2019

V/v: *Tranh chấp ly hôn và nuôi con.*

**NHÂN DANH**  
**NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**  
**TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN THIỆU HÓA, TỈNH THANH HOÁ**

**- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

*Chủ tọa phiên tòa:* Ông Hoàng Văn Đạt –Thẩm phán.

*Các hội thẩm nhân dân:* 1. Ông Lê Ngọc Hưng.

2. Ông Lê Dũng Tấn.

**- Thư ký phiên tòa:** Bà Vũ Thị Quy – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Thiệu Hóa, tỉnh Thanh Hóa.

**- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Thiệu Hóa tham gia phiên tòa:**  
Không.

Ngày 29 tháng 10 năm 2019, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Thiệu Hóa, tỉnh Thanh Hóa, xét xử sơ thẩm công khai theo thủ tục thông thường vụ án thụ lý số: 115/2019/TLST - HNGĐ ngày 22/7/2019 về việc “Tranh chấp hôn nhân và gia đình”. Theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 33/2019/QĐXXST - HNGĐ ngày 20/9/2019 và quyết định hoãn phiên tòa số 20/2019/QĐST-HNGĐ ngày 09/10/2019 giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* Chị Lê Thị H, sinh năm 1980;

Địa chỉ: Thôn A, xã TĐ, huyện TH, tỉnh Thanh Hóa;

Chị H vắng mặt (Có đơn đề nghị Tòa án xét xử vắng mặt).

2. *Bị đơn:* Anh Lê Văn B, sinh năm 1980;

Địa chỉ: Thôn A, xã TĐ, huyện TH, tỉnh Thanh Hóa; Anh B vắng mặt tại phiên tòa.

**NỘI DUNG VỤ ÁN:**

Trong đơn khởi kiện đề ngày 01/7/2019, bản tự khai ngày 08/7/2019 và trong quá trình giải quyết vụ án nguyên đơn là chị Lê Thị H trình bày:

Giữa nguyên đơn và bị đơn là anh Lê Văn B kết hôn trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Thiệu Khánh, huyện Thiệu Hóa, tỉnh Thanh Hóa vào ngày 12/7/2011. Quá trình chung sống vợ chồng hòa thuận hạnh phúc đến đầu năm 2018 thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân là vợ chồng tính tình không hợp, bất đồng quan điểm, dẫn đến thường xuyên xúc phạm nhau, vợ chồng đã ly thân từ đó. Xét thấy tình cảm vợ chồng không còn mục đích hôn nhân không đạt được, đề

yên tâm làm ăn nuôi dạy con cái, chị H đề nghị Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn với anh Lê Văn B.

Về con chung: Vợ cH có 01 con chung là Lê Thị Khánh L, sinh ngày 09/01/2007; Ly hôn chị đề nghị được trực tiếp nuôi dưỡng cháu L, không yêu cầu anh B phải cấp dưỡng nuôi con chung cùng chị.

Về tài sản và công nợ: Chị H không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Quá trình giải quyết vụ án, tại các phiên hòa giải bị đơn anh Lê Văn B trình bày: Anh Lê Văn B và chị Lê Thị H kết hôn trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Thiệu Khánh, huyện Thiệu Hóa, tỉnh Thanh Hóa vào ngày 12/7/2011. Quá trình chung sống vợ cH sống hòa thuận hạnh phúc không có vấn đề gì xảy ra, tuy nhiên không tránh khỏi va chạm, vợ cH chưa đến mức phải ly hôn, anh mong muốn cả hai vợ cH phải suy nghĩ lại, vợ cH đoàn tụ để nuôi dạy con cái.

Về con chung: Vợ chồng có 01 con chung là Lê Thị Khánh Ly, sinh ngày 09/01/2007 hiện đang ở cùng chị H; Nếu phải ly hôn anh đề nghị được trực tiếp nuôi dưỡng cháu L, không yêu cầu chị H phải cấp dưỡng nuôi con chung cùng anh.

Về tài sản: Anh B không yêu cầu Tòa án giải quyết.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được xem xét tại phiên tòa, Hội đồng xét xử xét thấy;

[1]. Về tố tụng: Anh Lê Văn B đã được triệu tập hợp lệ đến lần thứ hai để tham gia phiên tòa nhưng vẫn vắng mặt tại phiên tòa, chị Lê Thị H có đơn đề nghị xét xử vắng mặt do đó căn cứ vào điểm b khoản 2 Điều 227 và khoản 1 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự, Tòa án tiến hành xét xử vụ án vắng mặt chị H và anh B.

[2]. Về hôn nhân: Chị Lê Thị H và anh Lê Văn B kết hôn trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn và không vi phạm các điều cấm của luật hôn nhân gia đình như vậy là hôn nhân hợp pháp. Thấy rằng quá trình chung sống vợ cH hạnh phúc đến đầu năm 2018 phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân do Vợ cH bất đồng quan điểm sống, xúc phạm nhau, nên vợ cH đã ly thân nhau việc vợ cH ly thân đã lâu đã được hai bên thừa nhận, chị H đã bỏ về bên ngoại ở đã lâu. Mặc dù Tòa án đã thông báo tiến hành 02 lần mở phiên hòa giải khuyên bảo vợ cH trở về đoàn tụ, nhưng chị H vẫn kiên quyết xin ly hôn, điều này chứng tỏ cuộc sống vợ cH đã thực sự trầm trọng, tình cảm vợ cH không còn, mục đích hôn nhân không đạt được. Do đó, căn cứ khoản 1 điều 56 luật Hôn nhân và gia đình năm 2014 xử cho chị H được ly hôn anh B là phù hợp.

[3]. Về con chung: Chị H và anh B đều khai nhận vợ cH có 01 con chung là Lê Thị Khánh L, sinh ngày 09/01/2007 hiện đang ở cùng chị H; Chị H xuất trình cho Tòa án bản sao giấy khai sinh của cháu L có ghi họ tên mẹ là chị Lê Thị H, họ tên bố là Lê Văn B; Như vậy đủ cơ sở khẳng định cháu L là con chung của chị H và anh B. Chị H và anh B đều có nguyện vọng được nuôi cháu L, xét yêu cầu nuôi con của chị H và anh B là chính đáng. Tuy nhiên, Hội đồng xét xử thấy rằng, hiện tại cháu L đang ở với chị H, cháu là nữ giới, cháu có nguyện vọng được ở với mẹ,

giao con chung cho chị H sẽ thuận tiện hơn trong việc chăm sóc và sự phát triển tâm sinh lý bình thường của cháu L. Xuất phát từ lợi ích mọi mặt của cháu L; theo quy định tại điều 81 Luật hôn nhân gia đình cần giao cháu Ly cho chị H trực tiếp nuôi dưỡng là phù hợp; Chị H có thu nhập được xác nhận 8.000.000đ/tháng (Tám triệu đồng mỗi tháng) nên ghi nhận ý kiến của chị H, anh B không phải cấp dưỡng nuôi con chung cùng chị H.

[4]. Về tài sản và công nợ: Các đương sự không yêu cầu nên miễn xét.

[5]. Về án phí: Chị H là nguyên đơn trong vụ án ly hôn nên chị H phải chịu án phí dân sự sơ thẩm về việc ly hôn, theo quy định của pháp luật.

*Vì các lẽ trên;*

### **QUYẾT ĐỊNH:**

Áp dụng: Khoản 1, Điều 56, các Điều 58, 81, 82, 83, 84 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014; khoản 4 Điều 147 BLTTDS; Điều 6, Điều 9; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội.

Xử:

1. Về hôn nhân: Cho chị Lê Thị H được ly hôn anh Lê Văn B.

2. Về nuôi con chung: Giao con chung là Lê Thị Khánh L, sinh ngày 09/01/2007 cho chị Lê Thị H trực tiếp nuôi dưỡng. Ghi nhận ý kiến của chị H, anh B không phải cấp dưỡng nuôi con chung cùng chị H.

Anh B có quyền đi lại, thăm nom, chăm sóc và giáo dục con chung không ai được cản trở. Vì lợi ích của con, theo yêu cầu của một hoặc các bên, Tòa án có thể quyết định thay đổi người trực tiếp nuôi con và mức cấp dưỡng nuôi con.

3. Về án phí: Chị Lê Thị H phải chịu tiền án phí sơ thẩm về việc ly hôn là 300.000đ(*Ba trăm nghìn đồng*) được khấu trừ số tiền tạm ứng án phí 300.000đ(*Ba trăm nghìn đồng*) theo biên lai thu tiền số AA/2017/0005533 ngày 19/7/2019 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Thiệu Hóa, chị H đã nộp đủ án phí.

Trở lại hợp bản án được thi hành theo quy định tại điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người phải thi hành án dân sự có quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo điều 30 Luật thi hành án dân sự.

4. Về quyền kháng cáo đối với bản án: Chị H, anh B có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc được tổng đạt hợp lệ.

**Nơi nhận:**

- Các đương sự;
- VKSND huyện Thiệu Hóa;
- TAND tỉnh Thanh Hóa;
- Thi hành án dân sự (để thi hành);
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM  
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

**(Đã ký)**

**Hoàng Văn Đạt**

